

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060001	Đặng Như	Ái	17/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	6.25	5	5.75	30	
060002	Lê Mai Quốc	An	24/12/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6	6.75	8.75	36.25	
060003	Nguyễn Ngọc Nhã	An	21/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	7	6.75	6.5	34.75	
060004	Võ Nguyễn Thủy	An	09/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.75	5.25	6.5	31.75	
060005	Đoàn Phạm Thiên	Ấn	09/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.25	4	0.5	9.5	
060006	Huỳnh Thông Hoài	Ấn	20/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	4.5	4.25	4.75	23.75	
060007	Lê Vũ Quỳnh	Ấn	17/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	4.25	4.25	24.25	
060008	Đặng Phước Quốc	Anh	14/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.75	4.25	6.25	24.25	
060009	Đào Thị	Anh	25/07/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4	2.25	5.25	20.75	
060010	Đoàn Xuân	Anh	16/01/2009	Nam	THCS Đa Mi	1	0	5.5	1.5	4.75	23	
060011	Lê Hoàng Kiều	Anh	15/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.5	2.25	5.25	23.75	
060012	Lê Thị Hồng	Anh	11/05/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6.25	2.25	6.25	27.25	
060013	Mã Tuấn	Anh	12/10/2009	Nam	THCS Hàm Trí	1	0	3	2.25	5.25	19.75	
060014	Nguyễn Nhật Mai	Anh	11/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.67	4.75	5.5	25.09	
060015	Nguyễn Thị Minh	Anh	23/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.75	3.75	5.5	30.25	
060016	Nguyễn Tuấn	Anh	27/10/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	6.25	4.5	5.5	28	
060017	Phạm Thị Quỳnh	Anh	21/01/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	5	4	4.5	23	
060018	Thông Hồ Quỳnh	Anh	17/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	4.25	1.25	1.25	13.25	
060019	Thông Thị Quỳnh	Anh	03/12/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	1	0	6.5	4.25	5.5	29.25	
060020	Trần Thị Ngọc	Anh	22/05/2009	Nữ	THCS Đa Mi	0	0	4.25	2.25	3.25	17.25	
060021	Trịnh Thị Kiều	Anh	26/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6.5	5	5	28	
060022	Trương Thị Tâm	Anh	05/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	4.5	5.25	26.5	
060023	Đàm Minh	Ánh	03/08/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	1	0	6.75	2.25	6.75	30.25	
060024	Dương Thị Ngọc	Ánh	17/06/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	7.25	2.5	5.75	28.5	
060025	Lê Thị Nhật	Ánh	20/10/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6	2.75	5.5	25.75	
060026	Lê Đông	Ấu	24/01/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5	2.5	5.25	23	
060027	Ung Hải	Ấu	30/05/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	3.5	2.25	2.25	13.75	
060028	Nguyễn Hải	Ấu	22/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5	3.75	4.5	22.75	
060029	Phạm Như	Băng	24/11/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	7.25	2.75	5.75	28.75	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060030	Đình Quốc	Bảo	23/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	7.25	3.5	6.25	30.5	
060031	La Ngọc	Bảo	13/10/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	5.5	3.5	5.5	25.5	
060032	Lê Chí	Bảo	20/10/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2	1.75	3.5	12.75	
060033	Lê Đình Gia	Bảo	12/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.25	1.25	2.75	13.25	
060034	Lê Thế	Bảo	09/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6	1.5	6.25	26	
060035	Lương Chí	Bảo	06/03/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5	2.5	4.25	21	
060036	Nguyễn Gia	Bảo	17/03/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	3.75	4	20.75	
060037	Phạm Gia	Bảo	29/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	2.5	3.25	5.25	18.75	
060038	Phan Gia	Bảo	25/11/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	3	2.5	4	16.5	
060039	Phùng Tuấn	Bảo	31/05/2008	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5	3.25	3.75	20.75	
060040	Trần Gia	Bảo	21/12/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	3.25	7	26.25	
060041	Trần Quốc	Bảo	10/04/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5	3.25	4.25	21.75	
060042	Trần Thanh	Bảo	06/03/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4	3	5.5	22	
060043	Trương Gia	Bảo	01/11/2009	Nam	THCS Đa Mi	0	0	3.25	3.75	5	20.25	
060044	Đặng Duyên Ngọc	Bích	04/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.25	7.5	8.5	41	
060045	Ung Nữ Hồng	Bích	03/11/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6.5	3.75	5.5	27.75	
060046	Đỗ Đức Thanh	Bình	10/03/2009	Nam	THCS Đa Mi	1	0	4.75	2	4.25	21	
060047	Lê Bảo Thiên	Bình	06/11/2009	Nữ	THCS Hàm Thắng	0	0	7.5	5.25	5.5	31.25	
060048	Nguyễn Văn	Bình	14/08/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	7.75	6.25	5.75	33.25	
060049	Bùi Thế	Cánh	16/01/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	6.75	6	6.5	32.5	
060050	Lê Minh	Chấn	25/03/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4.5	4.5	5.25	24	
060051	Bạch Vũ Bảo	Châu	03/06/2009	Nữ	THCS Đa Mi	0	0	6.5	3.5	5.25	27	
060052	Mang Thị Hoàng	Châu	26/01/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	1	0	4.25	2.25	5	21.75	
060053	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	27/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	8.25	4.5	6.5	34	
060054	Nguyễn Vũ Bảo	Châu	07/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	5.75	2	5	24.5	
060055	Phan Lê Bảo	Châu	13/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.5	9.5	9	44.5	
060056	Huỳnh Thị Kim	Chi	10/04/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4	2	4	18	
060057	Nguyễn Nữ Quỳnh	Chi	01/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	3.75	6.5	25.75	
060058	Trần Minh	Chi	16/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.5	7	8	38	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060059	Nguyễn Hữu Trung	Chính	27/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	8.25	8.5	8.5	42	
060060	Nguyễn Trung	Chính	09/12/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.75	5	5.75	26	
060061	Hồ Anh	Chô	30/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.75	4	3.25	20	
060062	Nguyễn Hoàng	Chương	02/09/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	8	4.25	6.5	33.25	
060063	Thông Thị Mỹ	Chuyên	21/04/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	4.25	2.75	5.25	22.75	
060064	Cao Minh	Công	24/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.75	2.25	1.25	10.25	
060065	Phạm Hoàng	Cương	10/07/2008	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	2.25	2	0.75	8	
060066	Ngô Tuấn	Cường	28/04/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	1.25	1.5	3.25	10.5	
060067	Nguyễn Bảo	Cường	21/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	1.25	5.25	24.75	
060068	Nguyễn Trọng	Cường	20/01/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	7	2.5	6	28.5	
060069	Phan Thanh	Cường	02/12/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	3.5	5.5	27	
060070	Trương Đỗ Việt	Cường	20/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	3.75	6.5	27.25	
060071	Võ Thành	Đại	23/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5	3.5	5.25	24	
060072	Huỳnh Tiến	Đang	01/12/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	1.5	3.25	3.75	13.75	
060073	Lê Nguyễn Hải	Đăng	02/06/2009	Nam	THCS Đa Mi	1	0	7	3.5	5.5	29.5	
060074	Lê Nguyễn Ngọc	Đăng	19/03/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	8.25	7.75	8	40.25	
060075	Nguyễn Nhật Hải	Đăng	14/07/2009	Nam	THCS Hàm Thắng	0	0	3.75	5.25	4.25	21.25	
060076	Phạm	Đăng	02/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	8	8.75	8.75	42.25	
060077	Lương Hoàng	Danh	22/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	3	5.75	26	
060078	Nguyễn Hữu	Danh	20/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	2.25	5	22.75	
060079	Nguyễn Thành	Danh	19/12/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4.33	5.25	5.25	24.41	
060080	Đào Nguyễn Quốc	Đạt	03/07/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	5.5	5.25	26.5	
060081	Huỳnh Tấn	Đạt	26/07/2009	Nam	THCS Hàm Đức	0	0	4.25	3.5	5.5	23	
060082	Lê Quốc	Đạt	26/03/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	2.75	4.75	5.25	20.75	
060083	Lê Thành	Đạt	26/02/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	7.25	3	5.75	29	
060084	Nguyễn Khắc	Đạt	10/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	5.75	5.75	30.25	
060085	Nguyễn Phùng Đức	Đạt	20/12/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	2	2.5	4.5	15.5	
060086	Nguyễn Tấn	Đạt	05/06/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.5	4.25	6	27.25	
060087	Trần Duy	Đạt	01/09/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	V	V	V	V	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
							Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060088	Trần Hữu Đạt	07/01/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	6.5	4.25	5.75	28.75	
060089	Trần Lê Vũ Đạt	26/09/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	3.25	4.25	20.75	
060090	Trần Ngọc Đạt	07/07/2008	Nam	THPT Hàm Thuận Bắc	0	0	3.75	4	5.5	22.5	
060091	Trịnh Đình Đạt	12/04/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	6.5	4.25	6	29.25	
060092	Trương Tiến Đạt	08/07/2009	Nam	THCS Đa Mi	1	0	6.5	1.5	6	27.5	
060093	Mã Thị Kiều Diễm	05/01/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	4.5	2.75	4.5	21.75	
060094	Mai Thị Ngọc Diễm	06/09/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6.25	2.5	5.25	25.5	
060095	Nguyễn Thị Hồng Diễm	13/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	4.5	5.5	29	
060096	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	16/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	2.25	5	22.75	
060097	Phan Dương Ngọc Diệp	15/04/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	7.25	4.25	5.75	30.25	
060098	Đồng Thị Vi Diệu	12/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.5	2.5	5.75	25	
060099	Phạm Thị Ngọc Diệu	30/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.25	2.5	5.25	27.5	
060100	Thông Dương Minh Độ	23/03/2009	Nam	THCS Hàm Trí	1	0	V	V	V	V	
060101	Đinh Thị Kim Đoan	17/01/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	6	3.25	6	28.25	
060102	Mã Thị Liên Doanh	05/10/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	4.5	3	4.25	21.5	
060103	Thông Ngọc Tiểu Đơn	26/06/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	5.5	1.25	5.5	24.25	
060104	Đinh Huỳnh Đông Đông	07/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	3.25	5.25	24.25	
060105	Lê Thị Mỹ Dũ	07/07/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6.25	2.5	5.25	25.5	
060106	Nguyễn Hoài Đức	05/10/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	6.25	5.75	28.25	
060107	Thường Thông Hạnh Dung	20/04/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	6.75	3.5	5.25	28.5	
060108	Trần Thị Mỹ Dung	31/07/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	5	2.25	5	22.25	
060109	Đặng Quang Dũng	14/01/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	7.25	6.25	8	36.75	
060110	Huỳnh Trương Quỳnh Dương	24/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4	1.5	5	19.5	
060111	Lê Vũ Thùy Dương	17/05/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	5.25	3.75	6.25	26.75	
060112	Nguyễn Lê Bình Dương	15/04/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	8	5.5	6.25	34	
060113	Nguyễn Nam Dương	02/01/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	7.25	5.5	7	34	
060114	Nguyễn Thị Ánh Dương	07/02/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.25	2.75	5	27.25	
060115	Nguyễn Thị Ánh Dương	08/11/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	6.75	2.5	5.5	27	
060116	Thông Nguyễn Ánh Dương	11/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	5.25	2.25	5	23.75	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060117	Trần Ngọc Ánh	Dương	05/03/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.75	4	5.75	31	
060118	Trần Ngọc Đại	Dương	02/05/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	7.25	6	7	34.5	
060119	Bùi Lê	Duy	13/09/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	6	6.5	7.5	33.5	
060120	Lâm Khánh	Duy	23/08/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	5.75	4	7.75	31	
060121	Nguyễn Anh	Duy	16/04/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.25	2.25	4.25	17.25	
060122	Nguyễn Quốc	Duy	15/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	2	2.75	4.75	16.25	
060123	Nguyễn Tấn	Duy	14/04/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.25	2	4.5	17.5	
060124	Nguyễn Thanh	Duy	04/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	3	4.75	21.5	
060125	Trần Khánh	Duy	08/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.5	3	5.25	24.5	
060126	Trịnh Khánh	Duy	27/02/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.5	1.25	3	14.25	
060127	Vô Anh	Duy	07/04/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	3.5	7.75	30.5	
060128	Vô Hoàng	Duy	25/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	6.75	8.5	35.25	
060129	Lê Nguyễn Mỹ	Duyên	02/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	4	5.75	24.5	
060130	Nguyễn Kim Kiều	Duyên	15/06/2009	Nữ	THCS Đa Mi	1	0	6.25	1.75	5.75	26.75	
060131	Nguyễn Thị Ánh	Duyên	09/01/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6	4.25	5.75	27.75	
060132	Nguyễn Trịnh Mỹ	Duyên	13/11/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	4.5	5.25	25.5	
060133	Vương Kiều	Duyên	29/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.75	6.25	7.75	37.25	
060134	Đoàn Nguyễn Thanh	Giang	07/10/2008	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.75	5	4	20.5	
060135	Nguyễn Lâm Trường	Giang	17/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5	3	5.75	24.5	
060136	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	22/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.75	4.5	5.25	30.5	
060137	Nguyễn Thị Trúc	Giang	19/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	3	2	5.25	18.5	
060138	Lê Thị Hồng	Giảng	26/06/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	4.75	3.5	5.75	25.5	
060139	Lê Nguyễn Quỳnh	Giao	22/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	3.5	5.75	28	
060140	Huỳnh Minh	Giàu	13/06/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	5.75	3.75	4.5	24.25	
060141	Trần Thị Ngọc	Giàu	14/01/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4.75	2.5	5.25	22.5	
060142	Lê Anh	Ha	03/02/2009	Nam	THCS Đa Mi	0	0	4	3	5	21	
060143	Đỗ Thị Mỹ	Hà	09/11/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	6.5	1.75	5.25	25.25	
060144	Lưu Khánh	Hà	24/12/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6.5	7.25	5.5	31.25	
060145	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	05/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.25	3.25	3.25	18.25	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
							Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060146	Nguyễn Thị Thanh Hà	14/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6	3.5	4.25	24	
060147	Nguyễn Thị Thu Hà	09/04/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.75	3.25	6.25	27.25	
060148	Nguyễn Trần Thanh Hà	21/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	3.75	8	33.75	
060149	Thông Thị Bích Hà	19/12/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	6.25	3.25	4.75	26.25	
060150	Lê Duy Hạ	07/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.75	6.75	8.75	37.75	
060151	Hoàng Trung Hải	12/01/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	5.75	3	5.25	25	
060152	Lương Tường Hải	29/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.75	3.5	5	21	
060153	Cao Phương Hân	18/02/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	4.25	5.25	25.25	
060154	Đặng Ngọc Gia Hân	19/04/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5	2.5	4.25	21	
060155	Hồ Duy Hân	04/08/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	5.5	3.5	5	24.5	
060156	Lại Nguyễn Đình Hân	18/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.25	1	4.25	16	
060157	Lê Thị Ngọc Hân	17/03/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4.75	2	3.25	18	
060158	Lương Bích Hân	18/03/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5	1.75	4.75	21.25	
060159	Nguyễn Ngọc Hân	22/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	5.75	6.75	33.25	
060160	Nguyễn Ngọc Khánh Hân	21/08/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	3.25	5.5	5.25	22.5	
060161	Nguyễn Thị Bảo Hân	31/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	3.5	4.5	25.5	
060162	Nguyễn Trần Ngọc Hân	06/10/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4.75	2.25	3.75	19.25	
060163	Phạm Thị Ngọc Hân	15/05/2009	Nữ	THCS Hàm Đức	0	0	5	2.25	5.5	23.25	
060164	Trần Thị Gia Hân	12/08/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	2	1.75	1.75	9.25	
060165	Đặng Thị Thu Hằng	04/01/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6.5	4	5.5	28	
060166	Đinh Thị Thanh Hằng	08/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	7.5	5	5.25	30.5	
060167	Lê Thị Hằng	09/02/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6.5	2.5	5.5	26.5	
060168	Trương Cao Hằng	05/05/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.75	2.25	4.75	23.25	
060169	Dương Minh Hạnh	24/06/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4	2.5	0.5	11.5	
060170	Khê Thị Hồng Hạnh	29/11/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	4.25	2.5	5	22	
060171	Trần Phan Mỹ Hạnh	15/08/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	5.5	6.5	31.5	
060172	Huỳnh Minh Hào	03/11/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	3.75	5.25	25.75	
060173	Nguyễn Lê Nhật Hào	15/12/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	6	2	5.75	25.5	
060174	Nguyễn Quốc Hào	11/11/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	3.75	6	28.25	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060175	Trần Thanh Như	Hào	05/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.25	3	5.25	26	
060176	Đặng Minh	Hậu	29/09/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	2.25	6.5	28.75	
060177	Hoàng Văn	Hậu	13/07/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	2	2	0.25	6.5	
060178	Huỳnh Thị Trung	Hậu	11/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	3.5	2.75	2.5	14.75	
060179	Nguyễn Hoài Trúc	Hậu	27/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	4	6	29	
060180	Nguyễn Phúc	Hậu	04/04/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	2.25	1.5	0.5	7	
060181	Nguyễn Thị Minh	Hậu	12/06/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	3.75	6.25	29.25	
060182	Nguyễn Thị Mỹ	Hậu	17/04/2009	Nữ	THCS Hàm Đức	0	0	6.75	3.25	5.25	27.25	
060183	Trần Nguyễn Quốc	Hậu	20/03/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	6.08	3.5	5.25	26.16	
060184	Võ Minh	Hậu	18/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.5	2.25	4.5	22.25	
060185	Đặng Huỳnh Quốc	Hiên	17/02/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5	3.25	5.25	23.75	
060186	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Hiên	18/04/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	4.5	1.75	4.25	19.25	
060187	Nguyễn Thị Bích	Hiên	15/01/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	7	7.75	7.75	37.25	
060188	Lê Huỳnh Thanh	Hiên	22/12/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	4.75	4.5	24.25	
060189	Đoàn Như	Hiên	21/02/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8	5.75	7.75	37.25	
060190	Lê Thị	Hiên	01/01/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	5.75	1.75	5.25	23.75	
060191	Ngô Minh	Hiên	28/05/2009	Nam	THCS Hàm Liêm	0	0	2.75	1.5	2.25	11.5	
060192	Nguyễn Ngọc Kim	Hiên	24/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	2.25	5.25	23.25	
060193	Nguyễn Thị Ngọc	Hiên	05/11/2008	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	3.5	2.5	4	17.5	
060194	Tô Thị Kim	Hiên	07/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.25	3.25	5.25	26.25	
060195	Võ Văn	Hiên	24/12/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	3.5	5.25	24.5	
060196	Ngô Võ Hoàng	Hiệp	07/11/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.25	2.75	5.25	21.75	
060197	Trần Đặng Minh	Hiệp	25/12/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.5	2.5	5	21.5	
060198	Trần Huy Hoàng	Hiệp	14/08/2009	Nam	THCS Đông Tiến	0	0	3	2.25	4.75	17.75	
060199	Huỳnh Minh	Hiếu	03/02/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.75	3.25	5.25	23.25	
060200	Mã Thị Bảo	Hiếu	01/08/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	7.25	5	6.75	34	
060201	Nguyễn Minh	Hiếu	12/09/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.25	4	5.25	23	
060202	Nguyễn Trung	Hiếu	30/10/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.75	4	6.75	25	
060203	Nguyễn Đức	Hòa	24/07/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3	1.5	5	17.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060204	Nguyễn Minh	Hòa	31/01/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	2.25	2.25	2.5	11.75	
060205	Nguyễn Quốc	Hòa	02/10/2008	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	2	3.25	4.75	16.75	
060206	Lê Thanh Minh	Hoài	27/01/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	4.25	2.75	5	21.25	
060207	Lê Thị Diễm	Hoài	24/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	3.75	2.75	3	16.25	
060208	Lại Nguyễn Đình	Hoan	18/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	1	2.5	2.25	9	
060209	Nguyễn Đăng	Hoan	30/11/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	4.25	3.75	6.75	25.75	
060210	Đinh Thị Kim	Hoàng	22/12/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	5.75	3.5	5.25	25.5	
060211	Lê Ngọc Bá	Hoàng	17/10/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	4	1.75	4.75	19.25	
060212	Mai Ngọc	Hoàng	11/05/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	7	3	5.5	28	
060213	Nguyễn Khắc	Hoàng	31/08/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	5.25	2.75	6.25	25.75	
060214	Nguyễn Thanh	Hoàng	23/03/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.75	2.25	5	21.75	
060215	Nguyễn Võ Minh	Hoàng	14/10/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4	2.5	5.25	21	
060216	Trần Khải	Hoàng	22/11/2009	Nam	THCS Hàm Chính	1	0	6	3	5.5	27	
060217	Trần Xuân	Hoàng	26/09/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4.25	2.5	5.25	21.5	
060218	Huỳnh Thị Thu	Hồng	24/08/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	1	3	2	9	
060219	Nguyễn Trần Thanh	Hồng	21/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5	3.5	5.25	24	
060220	Trương Thị Kim	Hồng	12/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	3	5.25	27	
060221	Võ Thị Thanh	Hồng	29/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	4.75	2	5.25	22	
060222	Nguyễn Ngọc	Hùng	09/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.25	2.25	5.25	19.25	
060223	Lê Chấn	Hưng	12/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	6.5	6.5	6	31.5	
060224	Cao Hoài Quỳnh	Hương	25/11/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	2.75	3	4	16.5	
060225	Đào Thị Xuân	Hương	08/02/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	4.5	3	3.75	19.5	
060226	Khê Thị Xuân	Hương	15/04/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	5.75	3.75	5.25	26.75	
060227	Ngô Thị Bích	Hương	10/05/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	2.25	5.25	24.25	
060228	Phạm Quỳnh	Hương	10/04/2009	Nữ	THCS Hàm Đức	0	0	5.75	2.5	5.25	24.5	
060229	Trần Thị Thùy	Hương	31/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	4.5	5.75	30	
060230	Triệu Nguyễn Thiên	Hương	10/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	2.5	3.5	5.25	19	
060231	Trương Thị Diễm	Hương	04/05/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.5	4	6	27	
060232	Trương Thị Ngọc	Hương	09/08/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6.75	3.5	5.25	27.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060233	Nguyễn Thảo	Hường	23/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.5	1.5	4.75	22	
060234	Đặng Trần Ngọc	Huy	07/02/2009	Nam	THCS Hàm Thắng	0	0	5.25	3.25	3.75	21.25	
060235	Đào Lê Tiến	Huy	05/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5	2	5.25	22.5	
060236	Đồng Gia	Huy	21/10/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	3	2	2.25	12.5	
060237	Hồ Thanh	Huy	29/11/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	2.25	2	4.75	16	
060238	Huỳnh Nhật	Huy	16/07/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5	2.5	4.25	21	
060239	Huỳnh Vô Nhật	Huy	29/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.5	3.5	5.25	25	
060240	Khê Châu Hoàng	Huy	12/05/2009	Nam	THCS Hàm Trí	1	0	3	1.5	2.5	13.5	
060241	La Hoàng Lê	Huy	07/12/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	2.5	5.75	25.5	
060242	Lê Vũ Nhật	Huy	05/06/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.5	2.25	3.5	14.25	
060243	Nguyễn Anh	Huy	10/06/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.75	2	5.5	20.5	
060244	Nguyễn Gia	Huy	06/07/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	3.5	1.25	3.25	14.75	
060245	Nguyễn Lê Minh	Huy	20/04/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	3	1.75	5	17.75	
060246	Nguyễn Quốc	Huy	31/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	6.25	6.75	31.25	
060247	Nguyễn Quốc	Huy	06/12/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	4	6.75	29	
060248	Nguyễn Thanh	Huy	14/05/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.25	3.25	5.25	20.25	
060249	Nguyễn Trần Gia	Huy	26/03/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3	2	5.75	19.5	
060250	Nguyễn Trịnh Gia	Huy	17/11/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	2.75	5.25	4	18.75	
060251	Nguyễn Võ Minh	Huy	09/07/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	7.25	7.25	6.5	34.75	
060252	Trần Lê Gia	Huy	22/09/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	2.5	5	24	
060253	Trần Ngọc	Huy	13/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.75	5.75	6.25	31.75	
060254	Trương Quốc	Huy	04/05/2008	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	3.25	4.25	5.75	22.25	
060255	Trương Văn	Huy	17/11/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.5	5	5.25	22.5	
060256	Phạm Đoàn Gia	Huyền	17/09/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.75	5.75	7.25	31.75	
060257	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	13/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	3.75	3	6	22.5	
060258	Tăng Thị Thanh	Huyền	10/07/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	3.5	3.25	4.5	19.25	
060259	Huỳnh Cao Xuân	Huyn	06/12/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	2.5	2.25	5.25	17.75	
060260	Hà Duy	Kha	14/05/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	3.75	2.25	5.25	20.25	
060261	Lương Nhật	Kha	08/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	8	4.5	4.75	30	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060262	Nguyễn Bảo	Kha	18/12/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3	2.75	5.25	19.25	
060263	Nguyễn Minh	Kha	09/10/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	5	2.75	5.25	23.25	
060264	Nguyễn Quốc	Kha	07/06/2009	Nam	THCS Hàm Liêm	0	0	4	2.5	5.25	21	
060265	Nguyễn Ngọc	Khải	21/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.25	1.5	5.25	20.5	
060266	La Duy	Khang	04/12/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5	1.25	5.75	22.75	
060267	Lê	Khang	31/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	4.25	8.5	32.75	
060268	Lê Khánh	Khang	07/02/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	5.25	4	5.5	25.5	
060269	Lê Nguyễn Gia	Khang	26/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	4.5	5.25	25.5	
060270	Nguyễn Bảo	Khang	10/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	6.75	7.75	33.75	
060271	Nguyễn Duy	Khang	08/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3	1.5	0.5	8.5	
060272	Nguyễn Hoài	Khang	27/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	1.75	5.5	23.25	
060273	Nguyễn Huỳnh Minh	Khang	01/05/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	4.5	4.75	5.25	24.25	
060274	Nguyễn Huỳnh Trúc	Khang	28/10/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	7.75	6.25	6.25	34.25	
060275	Nguyễn Lê Nhật	Khang	10/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	4.75	6.5	30.75	
060276	Nguyễn Phước	Khang	30/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	3	5.25	25	
060277	Nguyễn Quốc	Khang	28/08/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	4	3	5	21	
060278	Nguyễn Thái Gia	Khang	20/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	3.25	5.25	24.25	
060279	Nguyễn Tuấn	Khang	07/06/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	3	5	22	
060280	Nguyễn Tuấn	Khang	16/12/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	3.75	5.25	24.75	
060281	Phạm Trần Khánh	Khang	15/12/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	2	2	4	14	
060282	Trần Duy	Khang	10/07/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.75	1.75	5.75	22.75	
060283	Văn Công	Khang	10/02/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	4.25	5.25	26.25	
060284	Vô Dương Duy	Khang	22/09/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	2.25	3.25	4	15.75	
060285	Long Bảo	Khanh	28/01/2009	Nam	THCS Hàm Trí	1	0	2.5	2.5	2.75	14	
060286	Huỳnh Nhật	Khánh	09/01/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	3.75	6.25	26.75	
060287	Lê Chí	Khánh	04/03/2009	Nam	THPT Hàm Thuận Bắc	0	0	4.75	3.75	5.5	24.25	
060288	Lê Quốc	Khánh	16/08/2009	Nam	THCS Hàm Thắng	0	0	6.5	4.25	7.25	31.75	
060289	Mạnh Kim	Khánh	01/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	8.25	7.5	8.5	41	
060290	Nguyễn Gia	Khánh	19/10/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.5	5.5	4.75	20	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060291	Phùng Duy	Khánh	06/02/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	4.5	5.5	28.5	
060292	Trần Quốc	Khánh	02/09/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	1.5	3.75	5.5	17.75	
060293	Cao Lê Đông	Khiêm	09/11/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	7	4.75	5.75	30.25	
060294	Nguyễn Ngô Gia	Khiêm	24/06/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4.25	3.75	5.75	23.75	
060295	Nguyễn Trường	Khiêm	09/07/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	6	5.5	5.25	28	
060296	Văn Tấn	Khiêm	06/09/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	5.25	5	4.75	25	
060297	Đặng Văn	Khoa	03/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.75	2.75	6	24.25	
060298	Huỳnh Đăng	Khoa	01/01/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	3.25	6	28.75	
060299	Nguyễn Anh	Khoa	13/10/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.75	2	4.75	21	
060300	Nguyễn Anh	Khoa	15/11/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	5.5	1.75	5.25	23.25	
060301	Nguyễn Duy	Khoa	20/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	8.25	8.25	35.25	
060302	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	08/09/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	2.75	2.25	4.25	16.25	
060303	Nguyễn Văn Anh	Khoa	10/09/2008	Nam	THCS Hàm Thắng	0	0	4	3	5.75	22.5	
060304	Trần Anh	Khoa	27/06/2009	Nam	THPT Hàm Thuận Bắc	0	0	3.25	1.25	1.25	10.25	
060305	Trần Huỳnh	Khoa	10/04/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.5	3.25	7.25	28.75	
060306	Đinh Ngọc Mai	Khôi	28/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.75	1.75	6.25	23.75	
060307	Lê Chí Gia	Khôi	14/09/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4	4.25	3.75	19.75	
060308	Lê Minh	Khôi	07/01/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	2.5	2	0.5	8	
060309	Nguyễn Đình	Khôi	04/03/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.25	2.75	5.5	20.25	
060310	Nguyễn Hoàng Đăng	Khôi	08/09/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.75	1.5	5.25	19.5	
060311	Trần Nguyễn Anh	Khôi	08/10/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	2	2.25	5.25	16.75	
060312	Trương Đăng	Khôi	24/07/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	2.75	1.75	5	17.25	
060313	Vô Anh	Khôi	02/11/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4	1.25	3.25	15.75	
060314	Vô Lâm	Khôi	20/02/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	3	1	5.5	18	
060315	Nguyễn Lê Quốc	Khởi	26/02/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.75	2.25	4.25	18.25	
060316	Nguyễn Đăng Việt	Khuê	30/03/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	6	8	35	
060317	Nguyễn Đức	Kiên	29/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	7	8.75	37.5	
060318	Bùi Anh	Kiệt	17/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	0.75	1.25	2.5	7.75	
060319	Lương Thanh	Kiệt	13/07/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	2.75	3.75	5	19.25	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060320	Nguyễn Anh	Kiệt	02/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	3.5	3	18.5	
060321	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22/06/2009	Nam	THCS Đa Mi	0	0	5.75	2.5	5.5	25	
060322	Phạm Anh	Kiệt	29/10/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	3.25	2.5	5.25	19.5	
060323	Phạm Gia	Kiệt	24/06/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	3	5.75	25	
060324	Trần Gia	Kiệt	08/06/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	2.25	3	4	15.5	
060325	Trịnh Lương Anh	Kiệt	28/11/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.25	3	4.5	18.5	
060326	Cao Thị Bích	Kiều	21/02/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	3	5.25	24	
060327	Phùng Thị Như	Kiều	06/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5	4.25	2.25	18.75	
060328	Võ Lê Khánh	Kiều	02/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.92	3.75	5.5	26.59	
060329	Nguyễn Bá	Kim	19/09/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.58	4.5	7.25	30.16	
060330	Nguyễn Hoàng	Kim	24/10/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	3.25	3.5	4.25	18.5	
060331	Nguyễn Hoàng Thiên	Kim	02/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.42	7.25	8	34.09	
060332	Lê Hoàng Kha	Lạc	20/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.5	3	5	20	
060333	Nguyễn Tân Hải	Lam	16/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5	4.75	6.5	27.75	
060334	Từ Lê Thiên	Lam	16/11/2009	Nữ	THCS Đa Mi	0	0	7.5	3.75	6	30.75	
060335	Đỗ Trịnh	Lâm	25/09/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.5	3.5	5	24.5	
060336	Đỗ Tường	Lâm	11/01/2009	Nam	THCS Đa Mi	1	0	5.5	2	5.25	24.5	
060337	Đoàn Huỳnh Quốc	Lâm	17/02/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.5	2.5	5.25	22	
060338	Lê Khánh	Lâm	21/04/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.75	2.5	5	22	
060339	Lê Kim	Lâm	16/04/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.5	2.25	5.25	21.75	
060340	Lê Nguyễn Bảo	Lâm	21/09/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.75	2.75	5.25	22.75	
060341	Nguyễn Hoàng	Lâm	23/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.33	7	8.5	36.66	
060342	Nguyễn Ngọc	Lâm	28/09/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4.25	4	4.5	21.5	
060343	Nguyễn Thùy	Lâm	04/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	7.5	7	8	39	
060344	Nguyễn Tùng	Lâm	23/07/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	6.75	4	5.25	28	
060345	Trần Thị Thùy	Lâm	02/01/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	7.5	8.5	7.25	38	
060346	Trương Quốc	Lâm	10/11/2009	Nam	THCS Hàm Đức	0	0	5.75	7	7.75	34	
060347	Nguyễn Trịnh Hữu	Lan	23/01/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5	3	5.25	23.5	
060348	Trần Ngọc	Lành	16/07/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.75	2.25	6	23.75	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060349	Huỳnh Ngọc	Liên	17/10/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	4.75	2	4.75	21	
060350	Nguyễn Hồng	Linh	07/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	2.75	1.5	4.75	16.5	
060351	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	14/04/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	6.25	3.75	7.5	31.25	
060352	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	25/06/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.5	2.25	3.75	20.75	
060353	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/05/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	2	5.5	25.5	
060354	Nguyễn Thùy	Linh	08/06/2009	Nữ	THCS Đa Mi	0	0	V	V	V	V	
060355	Trần Ngọc	Linh	14/03/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	3.5	1	5.5	19	
060356	Trịnh Yến	Linh	16/06/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	1.75	3	5	16.5	
060357	Phạm Thị Thủy	Loan	23/05/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4	3.75	5.25	22.25	
060358	Đỗ Phước	Lộc	07/09/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	6.25	3.25	5.5	26.75	
060359	Lê Thanh	Lộc	04/06/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	5.25	7	30.75	
060360	Nguyễn Tiến	Lộc	01/09/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	2	3.25	4.25	15.75	
060361	Đào Thị Kiêm	Lợi	10/04/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	1	0	4	3	4.5	21	
060362	Đoàn Quốc	Lợi	08/06/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	1.75	2.25	3.5	12.75	
060363	Nguyễn Hoàng	Long	19/10/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	5.5	4	6	27	
060364	Phạm Đức	Luân	25/10/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	2.75	3.25	0	8.75	
060365	Đỗ Thái	Luận	06/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6	3.5	7	29.5	
060366	Nguyễn Quốc	Luông	30/04/2008	Nam	THCS Hàm Thắng	0	0	1.75	1.75	1.75	8.75	
060367	Nguyễn Thành	Lương	23/06/2008	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	3.25	2	4	16.5	
060368	Văn Minh	Lương	07/06/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.5	1.25	2.25	10.75	
060369	Nguyễn Thị Ngọc	Lựu	21/05/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	1.5	5.25	22.5	
060370	Nguyễn Khả	Ly	13/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	1.5	6.25	23	
060371	Nguyễn Thị Kim	Ly	25/03/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	4.5	1.5	V	V	
060372	Võ Trần Khánh	Ly	24/06/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	4.25	3	4	19.5	
060373	Ngô Trần Thiên	Lý	12/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	3.5	5.75	28	
060374	Lê Thị Tuyết	Mai	09/08/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6	3.5	5.75	27	
060375	Nguyễn Thị Thanh	Mai	18/10/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	5.5	3	5	24	
060376	Nguyễn Xuân	Mai	15/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	4.5	6	30.5	
060377	Thông Thị Xuân	Mai	19/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	5.75	2.5	4.25	23.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060378	Đào Duy	Mẫn	11/09/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.25	2.5	5.25	21.5	
060379	Huỳnh Khải	Minh	30/07/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.5	3.25	6	26.25	
060380	Nguyễn Hoàng	Minh	14/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	3.5	6	27	
060381	Nguyễn Nhật	Minh	29/07/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	3	2.5	4.5	17.5	
060382	Trịnh Đình Quang	Minh	19/06/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	3.25	2.25	3.25	15.25	
060383	Đoàn Thị Diễm	Mơ	20/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	3	5.75	25	
060384	Đỗ Thị Kiều	My	09/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.5	6	7.25	37.5	
060385	Hà Nguyễn Trà	My	09/02/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	4.75	6.75	31.25	
060386	Lê Ngọc Hà	My	06/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.58	6.5	7	33.66	
060387	Lê Thảo	My	20/10/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	8	6	6.25	34.5	
060388	Lê Thị Trà	My	17/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.67	2	6	25.34	
060389	Lý Triệu	My	02/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.5	4.75	6.5	32.75	
060390	Nguyễn Hoài	My	11/08/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.75	3.75	5.75	30.75	
060391	Nguyễn Thị Huyền	My	11/10/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	7.25	4.25	6	30.75	
060392	Trần Lê Yên	My	07/11/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	8	7	7.5	38	
060393	Trần Ngọc Giáng	My	18/01/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	5.25	2.25	4.25	21.25	
060394	Trần Thị Kiều	My	21/12/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	4.75	2.75	5.25	22.75	
060395	Văn Kiều	My	21/09/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6.75	5	7.75	34	
060396	Cao Gia	Mỹ	24/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5	3.5	4.25	22	
060397	Nguyễn Ánh	Mỹ	28/02/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.25	8.25	8	40.75	
060398	Bùi Hà Quốc	Nam	18/12/2009	Nam	THCS Hàm Phú	1	0	5.75	4.5	5.75	28.5	
060399	Nguyễn Hoài	Nam	15/09/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	7	3.5	6.75	31	
060400	Nguyễn Hoài	Nam	11/10/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	3.5	4.75	5.75	23.25	
060401	Nguyễn Hoài	Nam	26/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.75	4	5.25	20	
060402	Phan An	Nam	17/10/2009	Nam	THCS Hàm Đức	0	0	7.25	2.25	5.75	28.25	
060403	Trần Văn	Nam	27/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	5	7.5	31.5	
060404	Trương Nguyễn Toàn	Năng	28/09/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.25	5	5.5	24.5	
060405	Đặng Thị Ngọc	Nga	29/07/2009	Nữ	THCS La Dạ	1	0	V	V	V	V	
060406	Nguyễn Nguyệt	Nga	05/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	7.5	6.5	34.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060407	Nguyễn Thị Hồng	Nga	17/09/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6.25	5	5.75	29	
060408	Phan Thị Mỹ	Nga	09/10/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4	3.5	5.5	22.5	
060409	Cao Thị	Ngân	24/05/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	2	5	25.5	
060410	Đặng Nguyễn Hồng	Ngân	01/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.17	5.25	5.5	28.59	
060411	Đặng Trương Thùy	Ngân	04/08/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	7.25	5.75	6	32.25	
060412	Đào Xuân Thy	Ngân	10/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8	8.5	8.5	41.5	
060413	Lê Hồng	Ngân	09/03/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	4.75	1.5	1.5	14	
060414	Lê Thị Khánh	Ngân	10/09/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	8.25	8.25	6.75	38.25	
060415	Lê Thị Kim	Ngân	08/04/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4.5	3.25	4	20.25	
060416	Lê Võ Kim	Ngân	29/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	2.25	3.5	18.25	
060417	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	18/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.75	3	5.25	27	
060418	Trần Lê Hoài	Ngân	23/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	6.5	5.75	30	
060419	Đinh Lê Phương	Nghi	30/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	2.75	6.25	27.25	
060420	Đoàn Ngọc Bảo	Nghi	18/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.25	5.25	4.75	29.25	
060421	Dương Thị Bảo	Nghi	28/05/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	4.5	4.25	5.5	24.25	
060422	Lương Hoàng Uyên	Nghi	03/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.75	4.75	7.75	33.75	
060423	Phạm Gia	Nghi	08/02/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	7.25	4.5	6.25	31.5	
060424	Trần Ngô Phương	Nghi	11/11/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5.25	4.5	5.5	26	
060425	Ung Văn	Nghi	21/12/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	3.5	2.75	6.25	22.25	
060426	Lê Thanh	Nghĩa	24/08/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.5	2.5	5.25	20	
060427	Lê Trọng	Nghĩa	03/01/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	2	2.5	5.25	17	
060428	Nguyễn Trần Nhân	Nghĩa	30/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4	3.25	5.25	21.75	
060429	Nguyễn Vy	Nghĩa	19/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.25	3	5.75	23	
060430	Phan Tuấn	Nghĩa	06/04/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	4	3.25	5.25	21.75	
060431	Nguyễn Hoàng Anh	Nghiêm	09/02/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6	3	6.75	28.5	
060432	Hà Bích	Ngọc	20/06/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	7.5	5	6	32	
060433	Hồ Thị Minh	Ngọc	12/03/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.75	2.5	5.25	24.5	
060434	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	03/11/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5	2.5	5.25	23	
060435	Kiều Lê Khánh	Ngọc	22/08/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	1	0	1.5	3	4.5	16	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060436	La Bích	Ngọc	17/04/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	3	5.25	27	
060437	Lê Thị Như	Ngọc	19/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5	3.25	4.5	22.25	
060438	Nguyễn Hiền Như	Ngọc	29/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.75	2.5	5	22	
060439	Nguyễn Thảo	Ngọc	14/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.5	5.5	7.5	35.5	
060440	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	24/01/2009	Nữ	THCS Hàm Liêm	0	0	6.5	6	8.5	36	
060441	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	19/06/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6.25	1.75	5.75	25.75	
060442	Nguyễn Thị Lê Như	Ngọc	08/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	5.75	3.25	3.75	22.25	
060443	Nguyễn Thị Như	Ngọc	05/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.25	8.25	8.75	42.25	
060444	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	12/02/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	2.75	4.25	21.75	
060445	Phan Thị Bích	Ngọc	22/04/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6.25	8	8.5	37.5	
060446	Trần Bích	Ngọc	21/09/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	2.75	1.75	3	13.25	
060447	Trần Thanh	Ngọc	30/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.25	8.25	8.5	41.75	
060448	Bùi Hải	Nguyên	26/12/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	2.25	2.5	5.75	18.5	
060449	Bùi Thị Kim	Nguyên	02/11/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	3.25	3.25	4.75	19.25	
060450	Huỳnh Ngọc Nhã	Nguyên	12/07/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	4.5	2.5	3.75	19	
060451	Lâm Thảo	Nguyên	20/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8	5.25	8.25	37.75	
060452	Mang Thị Mỹ	Nguyên	05/02/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	1	0	V	V	V	V	
060453	Nguyễn Bảo	Nguyên	04/09/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	6	3.5	7.75	31	
060454	Nguyễn Huỳnh Vũ	Nguyên	06/07/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	5	4	6.75	27.5	
060455	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	13/04/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	4.75	3	5.5	23.5	
060456	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	06/02/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	5.25	2.5	4	22	
060457	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	12/07/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	5	2.75	5.5	23.75	
060458	Nguyễn Thị Thu	Nguyên	11/05/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	4.75	3	5.5	23.5	
060459	Nguyễn Vĩnh Thảo	Nguyên	05/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.25	3.5	3.75	19.5	
060460	Phạm Bình	Nguyên	03/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	4.75	2.5	3	18	
060461	Phạm Thảo	Nguyên	12/08/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5.75	3.75	6	27.25	
060462	Trần Lê Thảo	Nguyên	02/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7	3	6	29	
060463	Trần Ngô Trúc	Nguyên	19/05/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	7	7	7.5	36	
060464	Nguyễn Gia	Nguyễn	28/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	6	6.25	27.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060465	Trần	Nguyễn	07/02/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	7	7	6	33	
060466	Bùi Thanh	Nguyễn	04/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.25	2.25	4.25	19.25	
060467	Khê Tuấn	Nguyễn	11/08/2009	Nam	THCS Hàm Trí	1	0	7.5	4.5	5.75	32	
060468	Trần Thanh	Nguyệt	16/12/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	2.75	1.25	4.25	15.25	
060469	Nguyễn Lê Xuân	Nhân	16/02/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	3.5	2	3.25	15.5	
060470	Bùi Thiện	Nhân	08/04/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	7.25	6.75	32.25	
060471	Đoàn Huỳnh Thành	Nhân	13/02/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	5.25	4.75	6	27.25	
060472	Lê Ngọc	Nhân	22/07/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	3.75	1.75	6	21.25	
060473	Lương Nguyễn Hồng	Nhân	04/07/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	8	6	30.5	
060474	Nguyễn Thành	Nhân	26/11/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	7.5	3.5	8	34.5	
060475	Nguyễn Trí	Nhân	18/12/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.33	4.75	8.5	32.41	
060476	Phạm Đình	Nhân	10/06/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	7.5	3	7.25	32.5	
060477	Phạm Văn	Nhân	17/10/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	2.5	4	21	
060478	Nguyễn Thị Thanh	Nhân(a)	23/12/2008	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	V	V	V	V	
060479	Nguyễn Thị Thanh	Nhân(b)	26/05/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	1.75	1.75	4	13.25	
060480	Đặng Phương	Nhi	11/01/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5	3.75	5	23.75	
060481	Huỳnh Mỹ	Nhi	02/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	8.5	7	33	
060482	Huỳnh Nguyễn Linh	Nhi	15/10/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	4.25	2.5	5.25	21.5	
060483	Huỳnh Trúc Thảo	Nhi	05/11/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.25	6.75	5.25	31.75	
060484	Lê Ngọc Mỹ	Nhi	07/08/2009	Nữ	THCS Đa Mí	0	0	5.75	2.25	5.25	24.25	
060485	Lê Ngọc Phương	Nhi	17/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	2.5	6	23.5	
060486	Lê Thị Yên	Nhi	04/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	4.5	2.5	5.25	22	
060487	Mang Thị Kim	Nhi	16/10/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	1	0	V	V	V	V	
060488	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	01/08/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	4.5	2.75	5.25	22.25	
060489	Nguyễn Thị Tâm	Nhi	03/08/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5.5	4.25	5.25	25.75	
060490	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	18/08/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.25	3.5	6	28	
060491	Nguyễn Thị Yên	Nhi	23/02/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	3.75	7.5	32.25	
060492	Nguyễn Trần Xuân	Nhi	19/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	2.75	5.25	25.25	
060493	Phạm Thị Yên	Nhi	24/11/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	7.25	3.5	5.25	28.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060494	Phan Trần Xuân	Nhi	30/03/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	4.5	2.5	5.25	22	
060495	Thông Thị Yên	Nhi	28/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	6.75	1.75	4.5	25.25	
060496	Trần Mai Khánh	Nhi	15/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	2.5	5.25	22	
060497	Trần Thị Tuyết	Nhi	20/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	8.25	8	7.75	40	
060498	Trần Thị Xuân	Nhi	17/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.5	4.75	6.25	34.25	
060499	Trần Xuân	Nhi	30/01/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	3.75	3.5	4.25	19.5	
060500	Trương Ngọc	Nhi	16/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	7.25	4.5	8.5	36	
060501	Võ Thị Yên	Nhi	26/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	8	5	8.25	37.5	
060502	Mã Ngọc	Nhi	05/09/2009	Nam	THCS Hàm Trí	1	0	2.5	2	3.25	14.5	
060503	Đỗ Thị	Nhiên	30/01/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	4.25	1.75	4.25	18.75	
060504	Đặng Võ Quỳnh	Như	29/05/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	7.5	2.5	5.5	28.5	
060505	Đào Nguyễn Trúc	Như	08/01/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.5	3.25	6.5	27.25	
060506	Đinh Ngọc Quỳnh	Như	06/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	4.75	3.75	5.5	24.25	
060507	Đinh Nguyễn Quỳnh	Như	01/12/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	4.75	4	5.25	24	
060508	Hoàng Nguyễn Quỳnh	Như	22/08/2009	Nữ	THCS Đa Mi	1	0	6.25	3	4	24.5	
060509	La Trang	Như	03/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.5	6.75	8.25	38.25	
060510	Lê Thị Tâm	Như	15/03/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.25	6.25	7.75	36.25	
060511	Lê Thị Ý	Như	23/10/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	4.5	6.75	28.5	
060512	Nguyễn Võ Ái	Như	25/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	2.25	5.25	24.75	
060513	Phạm Thị Yên	Như	01/08/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	7.25	3	6	29.5	
060514	Trần Đoàn Hà	Như	30/07/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	6.75	6.25	5.5	30.75	
060515	Trần Quỳnh	Như	03/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	3	4.25	22	
060516	Trương Thị Quỳnh	Như	19/03/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	5.5	2.25	5.25	23.75	
060517	Lê Huỳnh Tuyết	Nhung	28/12/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	7.25	2.75	5.25	27.75	
060518	Phạm Thị Tuyết	Nhung	01/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	1.75	5	25.25	
060519	Lê Thị Trung	Ni	12/11/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	5.75	4	5	25.5	
060520	Trần Thị Lê	Ni	28/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	2.75	5.75	27.25	
060521	Trương Nguyễn Thị	Nở	13/11/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5.25	2.5	5.25	23.5	
060522	Lê Thị Kiều	Oanh	03/03/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	7.75	3.5	6.25	31.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060523	Ngô Thị Kim	Oanh	14/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	2.25	6.5	27.75	
060524	Nguyễn Thị Xuân	Oanh	16/05/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	8.25	4.25	6	32.75	
060525	Thông Thị Kim	Oanh	26/01/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	5.5	2	4.25	22.5	
060526	Võ Thị Hồng	Phấn	15/06/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	7.25	2.5	6	29	
060527	Lê Minh	Pháp	04/02/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.5	6.25	8.75	34.75	
060528	Thông Minh	Pháp	21/09/2009	Nam	THCS Ma Lâm	1	0	2.75	4.75	2.75	16.75	
060529	Huỳnh Kim	Phát	23/04/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	8	5	6.25	33.5	
060530	Lương Nhật	Phát	22/05/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	5.5	3.25	6	26.25	
060531	Nguyễn Hoàng	Phát	28/09/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	3	5.5	4.25	20	
060532	Nguyễn Trần Nhật	Phát	04/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	4	5.75	28	
060533	Phạm Huỳnh Tấn	Phát	08/01/2007	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.25	4.25	7.25	25.25	
060534	Nguyễn Phạm Vũ	Phi	20/01/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	2.5	3	2	12	
060535	Nguyễn Thế	Phi	21/01/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.5	3.25	5.5	23.25	
060536	Nguyễn Thị Hồng	Phi	04/08/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	2	2	4.25	14.5	
060537	Trần Huỳnh Ái	Phi	09/05/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	7	3.25	5.75	28.75	
060538	Nguyễn Thanh	Pho	24/09/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	6	3	5.5	26	
060539	Đặng Tuấn	Phong	24/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	7.5	8.5	6.25	36	
060540	Nguyễn Hoàng	Phong	04/07/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.75	5.25	5.25	25.25	
060541	Bùi Duy	Phúc	12/12/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	3	1.75	3.25	14.25	
060542	Đặng Hoàng	Phúc	22/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	5.75	4.5	27.75	
060543	Lê Tâm	Phúc	24/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	5.5	5.25	30	
060544	Lê Trịnh Diễm	Phúc	20/11/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	4.75	3	5.25	23	
060545	Lê Trọng	Phúc	29/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	5.25	5.5	29.75	
060546	Ngô Thiên	Phúc	22/10/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	3.75	2.75	7.75	25.75	
060547	Nguyễn Trọng	Phúc	19/11/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	3	2.5	3.5	15.5	
060548	Ung Huỳnh	Phúc	27/09/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	7	2.75	6.5	29.75	
060549	Vũ Trường	Phúc	06/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	6.5	5	6.5	31	
060550	Trương Công	Phước	17/08/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3	4	5	20	
060551	Bùi Nguyễn Ngọc	Phương	26/08/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	7.25	7.75	8.5	39.25	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060552	Bùi Thị Mai	Phương	05/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	5.25	6	28.75	
060553	Đình Hoàng Nam	Phương	05/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	7	6.75	32.5	
060554	Đỗ Trần Tuyết	Phương	15/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.5	5.5	6.75	34	
060555	Lương Tiểu	Phương	23/09/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6	3.75	4.75	25.25	
060556	Nguyễn Đăng	Phương	08/07/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	7	6.5	7.25	35	
060557	Nguyễn Đỗ Nguyên	Phương	30/07/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	5.75	6.75	32.75	
060558	Nguyễn Mai	Phương	18/04/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	6.5	3	5.75	27.5	
060559	Nguyễn Thanh	Phương	14/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8	5.75	8.25	38.25	
060560	Trần Thị Mỹ	Phương	11/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	1.25	5.25	24.75	
060561	Từ Mai	Phương	08/10/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	7	8.75	7.5	37.75	
060562	Huỳnh Thị Kim	Phượng	23/12/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	8.5	5	7.25	36.5	
060563	Nguyễn Bích	Phượng	11/10/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	7.25	5.75	6.25	32.75	
060564	Võ Thị Mỹ	Phượng	05/07/2009	Nữ	THCS Đa Mi	0	0	8.75	5	5.25	33	
060565	Bá Minh Trường Anh	Quân	05/08/2008	Nam	THPT Hàm Thuận Bắc	1	0	1.75	3.5	4	16	
060566	Đỗ Hoàng Minh	Quân	29/04/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.25	2.25	2.25	11.25	
060567	Đỗ Minh	Quân	11/02/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.25	2	4.25	17	
060568	Nguyễn Trần Thanh	Quân	26/10/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	V	V	V	V	
060569	Trần Nguyễn Anh	Quân	18/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.25	2	4	14.5	
060570	Trần Ngọc Mang	Quang	24/12/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	3.25	2.25	5.25	19.25	
060571	Ngô Long Hồ Anh	Quốc	24/06/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.25	6.5	7	29	
060572	Võ Anh	Quốc	13/03/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	5	3.25	5.25	23.75	
060573	Nguyễn Huỳnh Thảo	Quy	06/09/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	5.25	2.5	7	27	
060574	Nguyễn Duy	Quý	22/12/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	5	3.5	6	25.5	
060575	Phan Anh	Quý	05/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.25	2.5	5.25	21.5	
060576	Lê Thị Kim	Quyên	18/08/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	4	1.25	5.25	19.75	
060577	Lê Thị Mỹ	Quyên	04/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	4.25	5.25	27.75	
060578	Nguyễn Ngọc Kim	Quyên	04/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5	3.25	5	23.25	
060579	Nguyễn Thị Bảo	Quyên	07/06/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4.25	2.25	5.25	21.25	
060580	Trương Ngọc Trúc	Quyên	27/05/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	1	5.5	23.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060581	Nguyễn Ngọc	Quyền	13/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	7	2.5	6.25	30	
060582	Phạm Minh	Quyền	30/01/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	1	0	6.25	1.25	5.25	25.25	
060583	Trần Thị Trúc	Quyền	01/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	5.25	4.5	4.5	24	
060584	Cao Thị Ngọc	Quỳnh	16/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	8	4	7.75	35.5	
060585	Đào Khải	Quỳnh	08/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	8.25	6.5	35.25	
060586	Đào Thị Như	Quỳnh	27/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	3	6	29	
060587	Lê Đặng Như	Quỳnh	02/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5	3.75	5.5	24.75	
060588	Lê Huy	Quỳnh	02/01/2009	Nam	THCS Đa Mi	1	0	3.5	1.75	3.75	17.25	
060589	Mai Thị Như	Quỳnh	12/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	8.25	3.5	7.75	35.5	
060590	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	26/01/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	5.25	4.5	5.25	26.5	
060591	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	29/05/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5.75	5.5	5.25	27.5	
060592	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	13/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	3.75	3.5	5.25	21.5	
060593	Trần Lê Như	Quỳnh	19/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	5	7	32	
060594	Trần Ngọc Như	Quỳnh	24/07/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4.25	2.25	3.75	18.25	
060595	Trương Ngọc	Quỳnh	05/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6.5	4	6	29	
060596	Ung Nhật	Quỳnh	08/02/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.25	3.75	5	26.25	
060597	Võ Như	Quỳnh	01/08/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	6.25	3.75	5.25	26.75	
060598	Lê Minh	Sang	13/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	4	6.5	28.5	
060599	Phan Thanh	Sang	20/08/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	3	3.25	5.25	19.75	
060600	Lâm Tiến	Sơn	07/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.5	2.25	2.5	12.25	
060601	Nguyễn Bảo	Sơn	06/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	7.75	4.25	6.75	33.25	
060602	Nguyễn Vũ Hoài	Sơn	08/05/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	6.25	5	8.5	34.5	
060603	Trương Văn	Sơn	15/04/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	5.25	3	5.25	24	
060604	Từ Ngọc	Sơn	12/09/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.25	2.75	4.75	20.75	
060605	Nguyễn Đức	Tài	06/08/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	5.5	3	5.25	24.5	
060606	Nguyễn Thanh	Tài	07/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	3	7	28.5	
060607	Đặng Minh	Tâm	29/05/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.75	2.5	5.25	20.5	
060608	Đặng Ngọc Khánh	Tâm	13/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	4.5	5.5	29.5	
060609	Hà Uyên	Tâm	30/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	3.25	3.75	3.25	16.75	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060610	Huỳnh Thị Thu	Tâm	21/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	3.75	3.25	4.5	19.75	
060611	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	05/10/2009	Nữ	THCS Đa Mi	0	0	3.75	1.25	4	16.75	
060612	Võ Ngọc	Tâm	07/01/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	V	V	V	V	
060613	Trần Ngọc	Tấn	10/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.75	2.5	4	18	
060614	Nguyễn Ngọc	Thạch	11/05/2009	Nam	THCS Đa Mi	0	0	3.25	4.5	4	19	
060615	La Thanh	Thái	05/02/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5	4	7.25	28.5	
060616	Lê Thị Hồng	Thắm	07/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.25	4.5	6.25	31.5	
060617	Trần Thị	Thắm	20/03/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	7	2.75	5.5	27.75	
060618	Nguyễn Ngọc	Thân	29/09/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.5	1.75	5.25	23.25	
060619	Nguyễn Anh	Thắng	02/01/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	2.75	2.5	5	18	
060620	Nguyễn Quốc	Thắng	05/05/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	3.5	5.25	5	22.25	
060621	Trương Đức	Thắng	30/04/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	7.25	6.5	7.5	36	
060622	Võ Minh	Thắng	16/03/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.5	4.5	4.25	22	
060623	Bùi Huỳnh Phương	Thanh	06/02/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	3.5	4	5.25	21.5	
060624	Đinh Minh	Thanh	09/06/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	7.5	8.25	7.5	38.25	
060625	Nguyễn Ngọc	Thanh	20/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5	2	7	26	
060626	Phạm Thùy Thanh	Thanh	20/07/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4	2	4.5	19	
060627	Thông Thùy Thanh	Thanh	22/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	7.5	4.5	7.5	35.5	
060628	Trần Hồ Thanh	Thanh	11/06/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	2.75	5.25	25.75	
060629	Trần Nguyễn Hoài	Thanh	06/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.5	2	5	19	
060630	Trương Thị Kim	Thanh	13/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	2.75	5.25	26.25	
060631	Đỗ Tắt	Thành	12/11/2009	Nam	THCS Đa Mi	0	0	3.25	1.25	2.25	12.25	
060632	Nguyễn Đức	Thành	02/03/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	3.75	5.25	26.75	
060633	Nguyễn Hữu	Thành	15/07/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	6.5	2.75	6.75	29.25	
060634	Phan Tấn	Thành	26/01/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4	2.25	3.75	17.75	
060635	Vũ Tiến	Thành	08/05/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.75	3.5	5.25	21.5	
060636	Đinh Thị Thanh	Thảo	04/05/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	3.5	3.75	4	18.75	
060637	Hoàng Ngọc Thanh	Thảo	08/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	1.75	6.75	29.25	
060638	Huỳnh Nguyên Hoài	Thảo	28/11/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6	2.75	5.75	26.25	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060639	Lê Thanh	Thảo	27/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	3.25	6	26.75	
060640	Mang Thị Thanh	Thảo	09/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	1	0	3.75	2	4.25	19	
060641	Nguyễn Châu Phương	Thảo	18/11/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	3.42	2.5	5.25	19.84	
060642	Nguyễn Huỳnh Mai	Thảo	11/09/2009	Nữ	THCS Đa Mi	1	0	5.25	2.75	4.25	22.75	
060643	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/07/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6.25	4.75	6.25	29.75	
060644	Võ Thị Thanh	Thảo	11/12/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	3.25	2.75	5.25	19.75	
060645	Vũ Thị Thanh	Thảo	03/03/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	1	0	5	1.25	5.25	22.75	
060646	Huỳnh Anh	Thị	20/02/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.75	3.25	6	22.75	
060647	Nguyễn Nhật	Thị	16/07/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6	3	5.25	25.5	
060648	Nguyễn Thị Bảo	Thị	19/03/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	7.5	4.75	5.75	31.25	
060649	Nguyễn Thị Ngọc	Thị	25/11/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	V	V	V	V	
060650	Thạch Thị Lệ	Thị	26/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	4	3.5	5.25	22	
060651	Trần Hoàng	Thiên	05/12/2009	Nam	THCS & THPT Lê Lợi	0	0	6.08	6.25	6.25	30.91	
060652	Trần Văn	Thiên	09/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4	2	4.75	19.5	
060653	Huỳnh Ngọc	Thiện	09/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2	1.75	4	13.75	
060654	Huỳnh Thị Như	Thiện	18/01/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	5	2.5	5.25	23	
060655	Nguyễn Dương	Thiện	27/05/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	6.5	4.75	6.25	30.25	
060656	Nguyễn Ngọc	Thiện	16/01/2007	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3	2.75	1.75	12.25	
060657	Nguyễn Võ Văn Hoàn	Thiện	02/02/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	4	5.75	28.5	
060658	Trần Chí	Thiện	15/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6	5	7.75	32.5	
060659	Trương Phúc	Thiện	10/10/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3	3.25	3.5	16.25	
060660	Võ Thanh	Thiện	02/09/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	2.5	5.5	24	
060661	Bùi Nhật	Thịnh	06/05/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.25	5.75	8.75	31.75	
060662	Tiêu Quang	Thịnh	03/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	3.75	6.25	29.25	
060663	Nguyễn Trang	Thơ	01/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.25	4	6	30.5	
060664	Ngô Thị Kim	Thoa	15/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	3.5	4.25	25.5	
060665	Nguyễn Đặng Anh	Thoa	04/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	2.75	7	29.25	
060666	Bùi Lê Đức	Thoại	10/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	7.5	3.25	7.25	32.75	
060667	Hà Văn	Thông	21/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.25	3	2.5	16.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060668	Nguyễn Thị Hương	Thu	01/07/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	5	2.25	4.75	21.75	
060669	Bùi Kim Trúc	Thư	25/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	2.75	5	24.75	
060670	Đặng Thị Minh	Thư	11/02/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	3.25	2.75	1	11.25	
060671	Đoàn Ngọc Anh	Thư	13/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	5.75	5.75	30.25	
060672	Dương Ngọc Anh	Thư	31/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.67	6.5	6	33.84	
060673	Dương Thị Anh	Thư	25/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.5	3	5	24	
060674	Huỳnh Lê Anh	Thư	14/03/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.25	2.5	5.25	23.5	
060675	Lại Thị Hồng	Thư	26/05/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	5.5	4	5.25	25.5	
060676	Lê Minh	Thư	24/11/2009	Nữ	THCS Đông Tiến	0	0	5.75	3.25	3.5	21.75	
060677	Lê Nguyễn Thanh	Thư	24/11/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7	5	5.5	30	
060678	Lê Thị Minh	Thư	11/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7	2.75	5	26.75	
060679	Lường Trần Minh	Thư	30/05/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	7	5.5	8	35.5	
060680	Nguyễn Anh	Thư	12/06/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	6.5	3.75	6.25	29.25	
060681	Nguyễn Anh	Thư	28/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	3.25	5.5	25.75	
060682	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	29/10/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4	1.25	4.25	17.75	
060683	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	09/12/2008	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	3.75	5.25	24.75	
060684	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	26/05/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	4.25	5.25	25.25	
060685	Nguyễn Phan Minh	Thư	19/08/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	4	6	28	
060686	Nguyễn Quỳnh Minh	Thư	21/11/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	5.75	5	5.5	27.5	
060687	Nguyễn Thanh	Thư	07/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	5	5.5	29.5	
060688	Nguyễn Thị Kim	Thư	22/08/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.33	5.25	6	31.91	
060689	Nguyễn Thị Minh	Thư	23/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	5	6.75	30	
060690	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	16/08/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	4	7.5	32	
060691	Nguyễn Võ Anh	Thư	29/03/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4	2	4.25	18.5	
060692	Phạm Minh	Thư	24/02/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.25	8.25	8.25	41.25	
060693	Phan Quốc Anh	Thư	21/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	2.75	6	26.75	
060694	Phan Thị Anh	Thư	15/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	2	2.5	19	
060695	Trần Anh	Thư	24/05/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	2.75	1.5	5	17	
060696	Trần Minh	Thư	02/07/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	2.5	4	21	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060697	Trần Phan Anh	Thư	01/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.25	6.25	8	34.75	
060698	Trần Triệu	Thư	04/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.75	5	8.5	39.5	
060699	Trần Võ Anh	Thư	04/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.25	6.5	7.75	38.5	
060700	Võ Thị Anh	Thư	29/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.75	4	6.5	30.5	
060701	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Thuận	16/08/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	8.5	3.75	6.75	34.25	
060702	Nguyễn Ngọc	Thuận	29/10/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	1.75	2	0.5	6.5	
060703	Nguyễn Ngọc	Thức	10/02/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6	3.75	6	27.75	
060704	Nguyễn Tân	Thức	22/02/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.5	4.25	3.75	18.75	
060705	Đinh Thị Ngọc	Thương	18/02/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	3.5	7	31.5	
060706	Đồng Thị Mỹ	Thương	13/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	5	2.25	4.25	21.75	
060707	Huỳnh Nguyễn Hạ	Thương	13/12/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	7	5.5	7.25	34	
060708	Lê Thị Như	Thương	29/08/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	5.75	4.25	5	25.75	
060709	Nguyễn Anh	Thương	12/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.25	3	5.25	22	
060710	Nguyễn Thị Hoài	Thương	12/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	2.75	5.25	26.25	
060711	Trần Văn	Thương	09/12/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.5	2.5	2.75	17	
060712	Trần Thị Vũ	Thường	07/03/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	4.5	6.75	30.5	
060713	Nguyễn Phương	Thuy	20/02/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6.5	6	7.75	34.5	
060714	K' Thị Ngân	Thúy	19/12/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	1	0	V	V	V	V	
060715	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	13/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	2.75	5.25	24.75	
060716	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	10/08/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	4.25	2.25	5.25	21.25	
060717	Trần Thị Thanh	Thúy	19/01/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5	2.75	5.25	23.25	
060718	Lê Thị Anh	Thùy	08/11/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	4.75	2.5	5.5	23	
060719	Lê Thị Thu	Thùy	12/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.5	5	5.75	31.5	
060720	Hồ Hạ	Thuyên	08/10/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4.5	3.75	4.75	22.25	
060721	Cao Diễm	Thy	17/01/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4	5	7.75	28.5	
060722	Đặng Ngọc Bảo	Thy	01/06/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.75	8	8.75	41	
060723	Đoàn Trần Phương	Thy	02/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	3	5.25	27.5	
060724	Hồ Quỳnh	Thy	02/09/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	2.75	2.25	1.75	11.25	
060725	Nguyễn Hoàng Bảo	Thy	12/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	4.75	7.5	32.75	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060726	Nguyễn Ngọc Uyên	Thy	23/01/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	7.25	7.5	8	38	
060727	Phan Huỳnh Thy	Thy	19/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	3.25	5.25	26.25	
060728	Đặng Ngọc An	Tiên	27/09/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6	7.5	7.75	35	
060729	Đào Thị Khánh	Tiên	19/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	2.75	7.5	31.75	
060730	Huỳnh Ngọc Các	Tiên	18/07/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	7.75	3.75	5.25	29.75	
060731	Huỳnh Phạm Ngọc	Tiên	23/01/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	2.5	4.5	24.5	
060732	Lưu Mỹ	Tiên	14/09/2009	Nữ	THCS Hàm Liêm	0	0	5.25	3	6	25.5	
060733	Mai Anh	Tiên	17/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	3.75	7.5	30.75	
060734	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	10/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	3	5.25	24	
060735	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	01/01/2009	Nữ	THCS Hàm Thắng	0	0	5.25	3.25	6.25	26.25	
060736	Nguyễn Văn	Tiên	07/05/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.5	8.25	8.5	36.25	
060737	Phạm Thị Mỹ	Tiên	01/02/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6.5	3.5	7.5	31.5	
060738	Trần Thị Cẩm	Tiên	17/02/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.5	1.75	3.5	19.75	
060739	Trần Thị Mỹ	Tiên	14/01/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6	4	5.25	26.5	
060740	Huỳnh Văn	Tiền	16/03/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	3.25	3.75	4	18.25	
060741	Nguyễn Quốc	Tiền	12/04/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	7.5	8.25	6	35.25	
060742	Nguyễn Thanh	Tiền	08/12/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	2.5	2	1	9	
060743	Nguyễn Thị Kim	Tiền	21/10/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6.25	4	5.5	27.5	
060744	Thái Thị Minh	Tiền	10/02/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6.5	2.5	5.25	26	
060745	Trần Nguyễn Phong	Tiền	18/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	2	5.75	26	
060746	Nguyễn Thanh Kim Tiểu	Tiểu	12/12/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.5	2.75	4	21.75	
060747	Huỳnh Vũ Châu	Tin	21/04/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	2.75	2	4.25	16	
060748	Đặng Nhứt	Tín	07/07/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5	3	5.25	23.5	
060749	Thông Nhật	Tính	16/01/2009	Nam	THCS Hàm Trí	1	0	2.25	0.75	3	12.25	
060750	Bùi Thị Thu	Tình	17/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	3.25	5.25	25.25	
060751	Nguyễn Ngọc	Tịnh	26/11/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4	2.25	4.5	19.25	
060752	Nguyễn Nhân	Tịnh	27/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.75	5	7	32.5	
060753	Lê Đào Nguyên	Toàn	05/01/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	6	3.25	8.5	32.25	
060754	Nguyễn Đình	Toàn	11/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.75	3.25	5.5	21.75	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060755	Lương Văn	Tới	07/01/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	6	1.25	5.75	24.75	
060756	Lê Huỳnh Thanh	Trà	10/05/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	8.75	7	7.5	39.5	
060757	Trần Thanh	Trà	15/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	2	5	25	
060758	Đồng Nhật Bích	Trâm	24/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7	4.25	5.75	29.75	
060759	Hồ Huỳnh Ngọc	Trâm	07/01/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5.25	2.75	5.25	23.75	
060760	Huỳnh Trần Bảo	Trâm	05/05/2009	Nữ	THCS Hàm Thắng	0	0	4	4	2.75	17.5	
060761	Lê Nguyễn Thu	Trâm	21/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	3.75	1.5	4.25	17.5	
060762	Lê Thị Thảo	Trâm	01/11/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	4.75	2.25	5.5	22.75	
060763	Nguyễn Đăng Thùy	Trâm	10/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.92	2.25	4.75	21.59	
060764	Nguyễn Thị Hồng	Trâm	18/03/2009	Nữ	THCS Hàm Liêm	0	0	3	2.75	4.5	17.75	
060765	Nguyễn Trần Bảo	Trâm	27/09/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5	2.75	5.25	23.25	
060766	Phạm Thị Mỹ	Trâm	31/01/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	5.25	2.75	5.25	23.75	
060767	Phan Ngọc	Trâm	06/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5	4.25	4.25	22.75	
060768	Phan Thị Ngọc	Trâm	22/04/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	6.25	3	5.25	26	
060769	Võ Thị Bích	Trâm	09/01/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5.5	3.25	5.25	24.75	
060770	Võ Thị Hồng	Trâm	24/10/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	4.25	3.25	5.5	22.75	
060771	Đồng Thị Phương	Trâm	07/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	6	1.5	5.25	25	
060772	Nguyễn Hoàng Hương	Trâm	10/10/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5	2.5	3.25	19	
060773	Phạm Ngọc	Trâm	19/10/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	3.75	2.5	3	16	
060774	Đặng Võ Huyền	Trân	04/02/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.5	4.75	6	27.75	
060775	Hồ Bảo	Trân	07/08/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	4.5	3	5.25	22.5	
060776	Huỳnh Ngọc Bảo	Trân	26/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	8.25	5.5	7.25	36.5	
060777	La Quỳnh Bảo	Trân	09/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5	2.5	3.25	19	
060778	Lê Huỳnh Huyền	Trân	01/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.25	9	8.5	42.5	
060779	Lê Vũ Huyền	Trân	27/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.5	9	9	44	
060780	Nguyễn Hoài Bảo	Trân	11/04/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	7	5	6.5	32	
060781	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	16/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	4.5	7.5	31.5	
060782	Nguyễn Quỳnh Bảo	Trân	19/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.25	4	7.5	33.5	
060783	Nguyễn Thùy Bảo	Trân	30/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.25	3.25	6.25	24.25	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060784	Nguyễn Văn	Trân	02/07/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.5	3	5.25	20.5	
060785	Nguyễn Võ Huyền	Trân	26/10/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5.5	2.5	5.5	24.5	
060786	Trần Quỳnh	Trân	28/08/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	8.25	4.75	5.5	32.25	
060787	Bùi Thị Thùy	Trang	28/09/2009	Nữ	THCS Đa Mi	0	0	7.25	2	5.5	27.5	
060788	Lê Nguyễn Thùy	Trang	14/03/2009	Nữ	THCS Đa Mi	1	0	3.25	3	4	18.5	
060789	Lê Phương	Trang	12/08/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6.5	2	5.25	25.5	
060790	Mai Ngọc Thùy	Trang	04/12/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	8	8	8.25	40.5	
060791	Nguyễn Ngọc Kiều	Trang	06/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5	5	3.75	22.5	
060792	Nguyễn Nhật Thảo	Trang	25/05/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	7	5.25	6.75	32.75	
060793	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.67	4.75	7.25	32.59	
060794	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	02/10/2009	Nữ	THCS Đa Mi	0	0	5.75	2	4.5	22.5	
060795	Phạm Thị Huyền	Trang	26/08/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	3	2.25	1.25	10.75	
060796	Trần Nguyễn Mai	Trang	19/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.75	2.75	5.25	24.75	
060797	Văn Nguyễn Uyên	Trang	10/08/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6.25	7.5	8.5	37	
060798	Huỳnh Đức	Trí	30/08/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	3.75	5.5	25.25	
060799	Lương Công	Trí	26/07/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.75	3.75	2	15.25	
060800	Nguyễn Minh	Trí	23/02/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	1	2.25	3	10.25	
060801	Nguyễn Ngọc	Trí	02/05/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6	3	5	25	
060802	Nguyễn Trần Huỳnh	Trí	30/06/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	6	6.5	7	32.5	
060803	Đỗ Đặng Thanh	Triều	13/10/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.5	2.25	5	19.25	
060804	Huỳnh Phúc	Triều	12/05/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	3.75	3	4.25	19	
060805	Ngô Quốc	Triều	04/02/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.5	5.25	5.75	27.75	
060806	Hán Quốc	Triệu	19/06/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	3.75	4.5	7.5	27	
060807	Đặng Yên	Trình	25/03/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	8.25	7.25	8.25	40.25	
060808	Huỳnh Thị Thùy	Trình	09/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.75	5.25	6	30.75	
060809	Lại Thi Diễm	Trình	22/09/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	3.25	2.5	3.75	16.5	
060810	Lê Hoàng Phương	Trình	10/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	5.75	8	35.75	
060811	Lê Ngọc Hà	Trình	25/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.25	5.75	7.25	34.75	
060812	Nguyễn Trần Ngọc Thảo	Trình	19/07/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6	4.5	6	28.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060813	Văn Trương	Trình	27/12/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6.25	3	4.25	24	
060814	Trần Lê Trúc	Trong	04/08/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	7	3.5	6.75	31	
060815	Đặng Ngọc	Trọng	21/01/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	7.5	3	5.25	28.5	
060816	Đặng Nguyễn Bảo	Trọng	23/06/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5	2.75	5.25	23.25	
060817	Nguyễn Thanh	Trọng	26/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4	1.5	5.25	20	
060818	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	26/08/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	2.75	5.25	26.25	
060819	Lê Thiên	Trúc	14/03/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	4.5	2.75	5.75	23.25	
060820	Liêu Thị Thu	Trúc	17/08/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	3.5	2.25	5.25	19.75	
060821	Mã Thị Phương	Trúc	27/06/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	5	3	5.25	24.5	
060822	Mang Thị Hương	Trúc	13/07/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	1	0	V	V	V	V	
060823	Nguyễn Diệu Xuân	Trúc	23/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6	4.5	5.25	27	
060824	Nguyễn Phương Thiên	Trúc	11/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	4.5	6.25	31	
060825	Thông Thanh Ánh	Trúc	09/02/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	6	3	5	26	
060826	Thông Thị Thanh	Trúc	19/07/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	1	0	5.25	1.75	5	23.25	
060827	Trần Lê Minh	Trúc	03/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.25	3	5	27.5	
060828	Nguyễn Khánh	Trung	25/03/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.75	1.5	2.75	16.5	
060829	Nguyễn Võ Hồng	Trung	08/11/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	5	5	7.25	29.5	
060830	Trương Thành	Trung	25/08/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	5	3.75	6.75	27.25	
060831	Võ Ngọc	Trung	23/01/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.5	7	8.25	34.5	
060832	Hắc Minh	Trường	04/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5	2	5.75	23.5	
060833	Lê Quang	Trường	21/03/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4.25	3	5.25	22	
060834	Nguyễn Danh	Trường	30/12/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	4.25	2.75	5.5	22.25	
060835	Nguyễn Khắc	Trường	13/11/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4.75	3.75	6	25.25	
060836	Nguyễn Nhật	Trường	16/09/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.75	5	6	30.5	
060837	Nguyễn Phi	Trường	17/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	4.25	2.25	4.25	19.25	
060838	Trần Vũ Anh	Trường	06/07/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	6.75	2	7.5	30.5	
060839	Võ Hữu	Trường	23/11/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	7.25	3	5.25	28	
060840	Hà Quốc	Trường	27/10/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	1.5	2.75	18.5	
060841	Thông Hiếu	Trường	14/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	1	0	6.5	4	5.75	29.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060842	Trần Thị Bích	Truyền	23/03/2009	Nữ	THCS Hàm Đức	0	0	3	2.5	5.25	19	
060843	Đỗ Thanh	Tú	21/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.5	8.25	8.5	40.25	
060844	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	24/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.25	4.25	6	28.75	
060845	Trần Anh	Tú	11/11/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.5	3	4.25	18.5	
060846	Trần Quyết	Tú	21/04/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3	1.25	1.75	10.75	
060847	Lê Thành	Tư	21/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	5	5.25	28.5	
060848	Đoàn Anh	Tuấn	11/01/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	6	3	4.75	24.5	
060849	Dương Minh	Tuấn	04/10/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	5.75	2.5	5.25	24.5	
060850	Lê Anh	Tuấn	19/09/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	4	4	5.25	22.5	
060851	Nguyễn Hồng	Tuấn	11/03/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	2.25	1.5	0.5	7	
060852	Nguyễn Lê	Tuấn	12/12/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5	4	5.25	24.5	
060853	Phan Lê Hoàng	Tuấn	24/02/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	6.5	4.5	5	27.5	
060854	Trương Anh	Tuấn	31/10/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.5	2.75	1	9.75	
060855	Huỳnh Các	Tường	12/05/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.75	3.25	3.5	17.75	
060856	Nguyễn Dương	Tường	17/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.75	3	4.5	21.5	
060857	Nguyễn Trần Cát	Tường	19/05/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6.5	6.5	5.75	31	
060858	Xích Văn Anh Giao	Tường	19/02/2009	Nam	THCS Hàm Trí	1	0	4.5	1.25	3.5	18.25	
060859	Lê Kim	Tuyền	28/02/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.5	4.25	6.25	33.75	
060860	Nguyễn Thanh	Tuyền	26/07/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	3	1.75	4.75	17.25	
060861	Phan Thông Thanh	Tuyền	13/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	6.75	2.5	6	29	
060862	Võ Song	Tuyền	03/12/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6.5	2.25	5.25	25.75	
060863	Phạm Khánh	Tuyệt	25/02/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6	2.25	6.5	27.25	
060864	Thông Thanh Ánh	Tuyệt	26/11/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	1	0	7	3	5.75	29.5	
060865	Bạch Nhã	Uyên	06/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	2.25	6	24.75	
060866	Dương Bảo	Uyên	08/08/2009	Nữ	THCS Hàm Thắng	0	0	4.25	2.5	4.25	19.5	
060867	Hồ Thị Phương	Uyên	27/06/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	3.5	2.25	5.25	19.75	
060868	Lê Lại Tú	Uyên	29/01/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	5.5	2.5	5	23.5	
060869	Nguyễn Ngọc Nhã	Uyên	26/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.25	3.5	5	24	
060870	Trần Nguyễn Thúy	Uyên	26/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6	2.5	4.5	23.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
								Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060871	Trần Thị Thảo	Uyên	09/02/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	7	5.75	8.5	36.75	
060872	Trương Nguyễn Bảo	Uyên	04/01/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	8.25	7.25	6.5	36.75	
060873	Võ Ngọc Bích	Uyên	14/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5.5	4	5.75	26.5	
060874	Lê Thị Mỹ	Vân	27/02/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6.5	4	5.5	28	
060875	Lương Thị Thu	Vân	03/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.25	2.75	6.25	27.75	
060876	Nguyễn Thị Thùy	Vân	15/02/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	2.25	6.5	27.25	
060877	Nguyễn Trần Anh	Vân	17/07/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	3	3.25	3	15.25	
060878	Phạm Thị Thành	Vân	03/09/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	1	0	4.5	3.25	5.25	23.75	
060879	Phan Nguyễn Thanh	Vân	28/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.25	6	7	34.5	
060880	Phan Thị Thu	Vân	25/05/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.25	2.75	6.25	29.75	
060881	Vũ Thị Thảo	Vân	02/01/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	3.25	2	2	12.5	
060882	Nguyễn Sĩ Anh	Văn	05/03/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	8	7.25	6.5	36.25	
060883	Trịnh Ngọc Tú	Văn	03/07/2009	Nam	THCS Hồng Sơn	0	0	3.5	3.75	4.75	20.25	
060884	Vũ Duy	Văn	01/01/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	6.25	5.25	5.5	28.75	
060885	Mã Thị Hồng	Văn	18/10/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	5.75	4	6	28.5	
060886	Nguyễn Trương Thanh	Vàng	04/08/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	3.75	5.5	25.25	
060887	Nguyễn Ai	Vi	16/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	8.25	3.5	5	30	
060888	Nguyễn Hoàng Long	Vi	02/11/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6.25	3.75	5.25	26.75	
060889	Lê Quốc	Việt	27/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	3.25	4.5	23.75	
060890	Nguyễn Đức	Việt	07/11/2009	Nam	THCS Thuận Hòa	0	0	7.25	9.5	8.5	41	
060891	Nguyễn Quốc	Việt	20/01/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.75	2.25	5.25	24.25	
060892	Trần Tuấn	Việt	20/12/2009	Nam	THCS Đa Mi	1	0	5.75	1.75	6.25	26.75	
060893	Lê Chí	Vinh	20/12/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	5.5	2.5	5.25	24	
060894	Lê Quang	Vinh	30/12/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4.33	1.75	3	16.41	
060895	Lương Trình Thế	Vinh	27/12/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	9	6.75	8.5	41.75	
060896	Nguyễn Ngọc	Vinh	21/06/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	8	7.25	7.5	38.25	
060897	Trần Ngọc	Vinh	07/05/2009	Nam	THCS Hàm Phú	0	0	5.25	1.25	4.25	20.25	
060898	Đào Minh	Vũ	03/03/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	4	3	5.25	21.5	
060899	Hồ Anh	Vũ	06/05/2009	Nam	THCS Hàm Trí	0	0	3.5	2.25	4.25	17.75	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
							Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060900	Hoàng Ngọc Vũ	18/10/2009	Nam	THCS Thuận Minh	0	0	7	3.5	5.5	28.5	
060901	Lê Quốc Vũ	27/08/2009	Nam	THCS Hàm Chính	0	0	4.75	6	3.5	22.5	
060902	Võ Hoài Gia Vũ	13/07/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3	3	0.25	9.5	
060903	Lê Tiến Hoàng Vương	06/11/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	2.75	0.75	3.25	12.75	
060904	Nguyễn Thanh Vương	19/04/2009	Nam	THCS Ma Lâm	0	0	3.5	2.5	5.25	20	
060905	Bùi Ngọc Tường Vy	31/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8.5	6.5	6.5	36.5	
060906	Cao Thị Tường Vy	03/03/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.5	4.5	5.25	28	
060907	Đặng Võ Thảo Vy	30/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6	3.5	4.25	24	
060908	Huỳnh Nguyễn Hoàng Vy	03/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.75	7.25	8.75	40.25	
060909	Huỳnh Thị Thanh Vy	08/06/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	7.5	4	6.75	32.5	
060910	Lê Nguyễn Tường Vy	21/12/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	V	V	V	V	
060911	Ngô Tường Vy	29/10/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	7.5	3.75	6.25	31.25	
060912	Nguyễn Hoàng Lê Vy	21/11/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6.75	6	6.25	32	
060913	Nguyễn Hoàng Phương Vy	13/06/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	9	9.25	8.5	44.25	
060914	Nguyễn Kiều Thảo Vy	07/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7.75	3	5.75	30	
060915	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	10/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.5	5.25	5	28.25	
060916	Nguyễn Phạm Tường Vy	10/07/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	7.25	4.25	6.75	32.25	
060917	Nguyễn Võ Uyên Vy	16/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	4.25	5	28.25	
060918	Tăng Thị Tường Vy	28/01/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	6	2.5	7.25	29	
060919	Thông Thị Ái Vy	21/04/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	7	3.5	7.5	33.5	
060920	Trần Thanh Vy	15/09/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6	4	4.5	25	
060921	Trịnh Thị Ái Vy	17/02/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	6.5	4	5.5	28	
060922	Võ Ngọc Tường Vy	06/11/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	5.5	2.75	5.25	24.25	
060923	Võ Thị Tường Vy	13/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	5	2	5.5	23	
060924	Vương Hoàng Kim Vy	12/03/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	4.75	3.25	6.25	25.25	
060925	Cao Thanh Xuân	14/08/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	6.25	4	5	26.5	
060926	Nguyễn Đặng Kim Xuân	08/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	5.25	8.5	36.25	
060927	Võ Đặng Như Xuân	28/05/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	7	6	5.75	31.5	
060928	Võ Anh Xuyên	14/06/2009	Nữ	THCS Thuận Minh	0	0	7.25	5	6	31.5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH THUẬN
Hội đồng chấm thi tuyển sinh vào lớp 10
Trường: **THPT HÀM THUẬN BẮC**

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Năm học 2024-2025

Số BD	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm UT	Điểm KK	Điểm thi				Ghi chú
							Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	
060929	Đào Như Ý	28/05/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.75	4.5	8	32	
060930	Huỳnh Như Ý	02/03/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4.5	2.25	2.5	16.25	
060931	Huỳnh Thị Như Ý	09/12/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	4	3.25	2.25	15.75	
060932	Long Ngọc Như Ý	18/02/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	4.5	1.75	5.25	22.25	
060933	Nguyễn Dương Như Ý	31/07/2009	Nữ	THCS Thuận Hòa	0	0	6.5	4.5	7.25	32	
060934	Nguyễn Thị Như Ý	16/12/2009	Nữ	THCS Đa Mi	0	0	6.75	2.75	5.25	26.75	
060935	Nguyễn Trần Như Ý	24/08/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	0	0	6.75	4.5	5.5	29	
060936	Phạm Ngọc Như Ý	24/06/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	5.75	2.75	4.75	23.75	
060937	Nguyễn Hoàng Bảo Yên	10/01/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	8	7	8.5	40	
060938	Trương Thị Trúc Yên	23/08/2009	Nữ	THCS Hồng Sơn	0	0	6.5	7.5	7.75	36	
060939	Bùi Nguyễn Hoàng Yên	19/04/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6.25	4	4.25	25	
060940	Hoàng Phi Yên	13/10/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	6	3.75	7.25	30.25	
060941	Lương Hải Yên	16/09/2009	Nữ	THCS Ma Lâm	0	0	8	4.25	8.5	37.25	
060942	Nguyễn Ai Ngọc Yên	19/10/2009	Nữ	THCS Hàm Trí	1	0	5.75	3	5	25.5	
060943	Nguyễn Thị Xuân Yên	22/12/2009	Nữ	THCS Hàm Phú	0	0	7	7.5	8.75	39	
060944	Nguyễn Thùy Kim Yên	12/10/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	5.33	3.75	5.5	25.41	
060945	Phạm Ngọc Yên	08/12/2009	Nữ	THCS Hàm Chính	0	0	7.75	6.75	8.25	38.75	
060946	Nguyễn Ngọc Như Ý	11/07/2009	Nữ	THPT Hàm Thuận Bắc	0	0	4.5	2.25	5	21.25	

Danh sách này có **946** thí sinh.

Ngày tháng năm 20....
Chủ tịch Hội đồng chấm thi